TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V X** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 10 - 2019
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYÊN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Ngọc Tuấn.
2. Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2019 /TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1799/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cháng thị N**.
Địa chỉ: thôn Tham V, xã Cao B, huyện VX, tỉnh Hà Giang. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Bàn Văn Đ.**
Địa chỉ: thôn Chất T, xã Cao B, huyện VX, tỉnh Hà Giang (anh Đ vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 02/10/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2019 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Cháng thị N trình bày: Chị và anh Bàn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014 đến ngày 24/02/2017 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao B, huyện VX, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống gia đình mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, luôn bất hòa và xảy ra cãi vã nhau, mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành hòa giải. Hiện nay chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng

ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt. Nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có một con chung là cháu Bàn Minh H (sinh ngày 29/9/2015). Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chúng tôi không có tranh chấp về tài sản riêng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến, ghi ngày 02/10/2019 và đơn xin giải quyết vắng mặt, đề ngày 02/10/2019, bị đơn anh Bàn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ nhất trí ly hôn với chị N vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có một con chung là cháu Bàn Minh H (sinh ngày 29/9/2015). Khi ly hôn tôi có nguyện vọng giao cháu H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, công nợ chung, riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh còn trình bày do điều kiện cá nhân anh không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, có hòa giải cũng không đoàn tụ được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Cháng thị N về việc xin ly hôn với anh Bàn Văn Đ được Tòa án nhân dân huyện VX thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Do bị đơn anh Bàn Văn Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Thẩm phán chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cháng thị N và anh Bàn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao B, huyện VX, tỉnh Hà Giang vào ngày 24-02-2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình

thường, đến năm 2018 vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống gia đình mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, luôn bất hòa và xảy ra cãi vã nhau, sự mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành giải quyết. Hiện nay tôi và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Từ khi ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *1" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".* Tuy nhiên, chị N và anh Đ sống không quan tâm đến nhau nữa kể từ đó vợ chồng sống ly thân, như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Đ, anh Đ nhất trí ly hôn với chị N. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh Đ có một con chung cháu Bàn Minh H (sinh ngày 29/9/2015). Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; Anh Bàn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ nhất trí với ý kiến của chị N. Trên cơ sở nguyện vọng của cả hai bên đương sự, quyền lợi mọi mặt của cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Bàn Minh H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Anh Bàn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Nghĩa vụ và quyền của chị N, anh Đ được thực hiện theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về Tài sản chung, riêng, công nợ chung, riêng: Vợ chồng chị N, anh Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Cháng thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Cháng thị N được ly hôn anh Bàn Văn Đ.

* *Về con chung:* Giao con chung là cháu Bàn Minh H (sinh ngày 29/9/2015). cho chị Cháng thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bàn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về án phí:* Chị Cháng thị N phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VX, tỉnh Hà Giang là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01156 ngày 21/8/2019. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

* *Quyền kháng cáo:* Chị Cháng thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; Anh Bàn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VX;
- TAND tỉnh HG;
- Các đương sự;
- UBND xã Cao B, huyện VX;
- Chi cục THADS huyện VX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Phương